CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2011, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN ngày 19/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BNV ngày 21/10/2009 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BNV ngày 21/10/2009 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của "Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa"."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa đang công tác trong các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ MẪU MÃ, KIỂU DÁNG, HÌNH THỨC, MÀU SẮC, SỬ DỤNG PHÙ HIỆU, TRANG PHỤC KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

Điều 3. Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng[2]

Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng (hình 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này) là một hình tròn viền ngoài màu vàng, có nền màu đỏ tươi; phía trong có 02 bông lúa màu vàng tươi, phía dưới nối 02 gốc bông lúa có hình vành khuyên viền màu vàng, nền màu xanh nước biển, bên trong có chữ KSVCL (viết tắt của cụm từ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG) màu vàng; ở giữa có hình mỏ neo màu vàng; phía trên hình mỏ neo có hình cánh én màu vàng; trên hình cánh én có biểu trưng hình tròn, giữa hình tròn là hình chữ S, lồng chữ V, bên trái chữ S màu vàng và màu đỏ, bên phải chữ S màu xanh nước biển và màu đỏ.

Điều 4. Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên mũ[3]

Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng được gắn trên mũ kê pi và mũ mềm.

1. Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên mũ kê pi (hình 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này) gồm cành tùng kép bằng kim loại có màu vàng gắn liền với biểu tượng kiểm soát viên chất lượng được đúc nổi có hình tròn đường kính 35mm, chiều dài 58mm chiều cao 48mm.

2. Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên mũ mềm kê pi (hình 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này) là biểu tượng kiểm soát viên chất lượng được đúc nổi có hình tròn đường kính 29 mm.

---

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.

Điều 5. Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên ve áo[4]

Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng được đeo trên ve áo trang phục kiểm soát viên chất lượng gồm có hai phần:

1. Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng được gắn trên nền ve áo là biểu tượng thu nhỏ của Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng, dập nổi, sơn màu như biểu tượng, đường kính là 21mm, được gắn chính giữa nền ve áo.

2. Nền Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên ve áo (hình 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này) có hình bình hành, góc nhọn là 45^o, góc tù là 135^o, chiều dài 55mm, chiều cao 35mm; nền màu xanh rêu; ở giữa gắn biểu tượng kiểm soát viên chất lượng thu nhỏ, đường kính 21mm (theo quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 6. Cầu vai kiểm soát viên chất lượng gắn trên vai áo[5]

Cầu vai kiểm soát viên chất lượng được mang trên vai áo trang phục kiểm soát viên chất lượng dùng để phân biệt từng ngạch, chức vụ lãnh đạo kiểm soát viên chất lượng khi thi hành công vụ như sau:

1. Thông số và bố cục trên nền cầu vai kiểm soát viên chất lượng.

a) Cúc gắn trên cầu vai làm bằng kim loại màu vàng, đường kính 20mm, bề mặt là phù hiệu kiểm soát viên chất lượng, dập nổi không đổ màu, được gắn ở đầu nhọn của cấp hiệu (hình 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Sao gắn trên nền cầu vai làm bằng kim loại màu vàng, nhám bề mặt, kích thước 22mm (hình 7 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này); được gắn ở giữa nền cầu vai, số lượng sao được gắn phân biệt theo ngạch công chức;

c) Vạch gắn trên nền cầu vai làm bằng kim loại màu vàng, nhám bề mặt, chiều dài 42mm (hình 8 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này); được gắn ở cuối nền cầu vai, số lượng vạch được gắn phân biệt chức vụ lãnh đạo;

d) Cầu vai của ngạch kiểm soát viên chất lượng có hình thang đứng, viền xung quanh màu vàng, nền cầu vai màu xanh rêu có hoa văn, một đầu bằng, đầu kia nhọn, chiều cao 130 mm, đáy lớn 45mm, đáy nhỏ 40mm (hình 6 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Quy định về số sao cho từng ngạch kiểm soát viên chất lượng như sau:

a) Kiểm soát viên cao cấp chất lượng gắn ba sao (hình 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.

b) Kiểm soát viên chính chất lượng gắn hai sao (hình 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Kiểm soát viên chất lượng gắn một sao (hình 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Kiểm soát viên trung cấp chất lượng không gắn sao (hình 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Quy định về số vạch gắn trên nền cầu vai cho chức vụ lãnh đạo kiểm soát viên chất lượng như sau:

a) Cục trưởng, Phó cục trưởng gắn ba vạch (hình 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Chi cục trưởng, Phó chi cục trưởng, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc Cục và Chi cục trưởng, Phó chi cục trưởng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương gắn 2 vạch (hình 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Chi cục thuộc Cục và Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương gắn 1 vạch (hình 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Kiểm soát viên chất lượng không gắn vạch (hình 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 7. Quần áo đồng phục

Trang phục kiểm soát viên chất lượng gồm: áo, quần (xuân - hè, thu - đông), mũ kê pi, mũ mềm, cà vạt, thắt lưng, giầy, tất, áo đi mưa, cặp đựng tài liệu và một số trang phục niên hạn khác.

1. Quần:

a) Quần màu xanh đen may kiểu âu phục nam, nữ; dùng chung cả xuân - hè, thu - đông;

b) Đối với nữ kiểm soát viên chất lượng làm công tác kiểm soát chất lượng tại cửa khẩu, có thể sử dụng váy màu xanh đen, dài quá gối và xẻ thân sau.

2. Áo xuân - hè: may kiểu bludông cổ bẻ, màu trắng cộc tay hoặc dài tay, một hàng khuy nhựa màu trắng; ngực có 02 túi nổi ngoài, nắp túi hình cánh dơi, giữa túi có đường gân nổi; thân sau có cầu vai, cầu vai có 02 đỉa để đeo cấp hiệu; đai áo có xẻ sườn cài 02 cúc.

3. Áo thu - đông: áo và các khuy trên áo có màu xanh đen.

a) Áo nam: may kiểu áo vét, cổ hai ve to để đeo phù hiệu; hai thân trước có 04 túi nổi ngoài, nắp túi hình cánh dơi, giữa túi có đường gân nổi; một hàng khuy nhựa đường kính 22 mm; thân sau có cầu vai, cầu vai có 02 đỉa để đeo cấp hiệu;

b) Áo nữ: may kiểu áo vét, cổ hai ve to; hai thân trước có 02 túi nổi ngoài phía dưới, nắp túi hình cánh dơi; một hàng khuy nhựa đường kính 22 mm; thân sau có cầu vai, cầu vai có 02 đỉa để đeo cấp hiệu;

c) Áo mặc trong áo thu - đông là áo sơ mi màu trắng, dài tay, cổ đứng để thắt cà vạt dùng cho cả nam và nữ.

4. Áo chống rét màu xanh đen, kiểu măng tô san, cổ hai ve to để đeo phù hiệu; có 02 túi chéo, chìm ở bên hông, có đai thắt; một hàng khuy nhựa đường kính 22 mm; thân sau có cầu vai, cầu vai có 02 đỉa để đeo cấp hiệu.

5. Áo đi mưa: kiểu áo giống với áo chống rét, màu xanh đen được may bằng vải Vi ni lông không thấm nước.

Điều 8. Mũ

1. Mũ kê pi: kiểu mũ kê pi của bộ đội Hải quân có đỉnh và cầu mũ màu trắng; thành mũ màu xanh đen, chính giữa thành mũ phía trước có gắn phù hiệu kiểm soát viên chất lượng đường kính 35mm; có đai kép bằng sợi màu vàng đặt ở phía trước, lưỡi trai bằng nhựa màu đen bóng, quai mũ màu đen.

2. Mũ mềm: màu xanh đen, phía trên lưỡi trai có gắn phù hiệu kiểm soát viên chất lượng đường kính 29 mm.

Điều 9. Cà vạt

Kiểu thông thường, màu xanh đen dùng chung cho cả nam và nữ.

Điều 10. Giầy, dép

1. Giầy da màu đen, thấp cổ dùng chung cho cả xuân - hè, thu - đông.

2. Dép có quai hậu, gót cao vừa phải dùng cho trang phục xuân - hè.

Điều 11. Cặp đựng tài liệu

Cặp đựng tài liệu được làm bằng da hoặc giả da màu đen, có nắp.

Điều 12. Trang phục niên hạn khác

Trang phục niên hạn khác gồm ủng cao su, găng tay cao su, quần áo bảo hộ lao động, áo Blouse trắng, khẩu trang, kính bảo hộ.

Điều 13. Biển hiệu kiểm soát viên chất lượng[6]

Biển hiệu kiểm soát viên chất lượng được đeo trước ngực để nhận biết tên, số hiệu của công chức kiểm soát viên chất lượng khi thi hành công vụ.

1. Biển hiệu kiểm soát viên chất lượng có hình chữ nhật, dài 80mm, rộng 23mm; được làm bằng kim loại (hình 9 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bên trái là biểu tượng thu nhỏ của phù hiệu kiểm soát viên chất lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

---

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.

Điều 14. Thẻ kiểm soát viên chất lượng

Thẻ kiểm soát viên chất lượng được cấp cho công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa để sử dụng và xuất trình khi kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

1. Thẻ kiểm soát viên chất lượng là một loại giấy tờ chứng nhận về hình ảnh, họ tên, năm sinh, chức danh, đơn vị công tác của mỗi công chức làm công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Thẻ được làm bằng bìa cứng có ép Plastic; hình chữ nhật, rộng 70 mm, dài 100 mm, có 02 đường viền màu xanh coban; nền màu vàng, chính giữa in chìm biểu tượng kiểm soát viên chất lượng đường kính 19 mm; chữ in màu đen. Hai mặt của thẻ kiểm soát viên chất lượng được quy định như sau:

a) Mặt trước:

Thẻ kiểm soát viên chất lượng mặt trước (hình 12 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này); Bên trái từ trên xuống là tên cơ quan cấp thẻ; biểu tượng kiểm soát viên chất lượng đường kính 15 mm; ảnh của người được cấp thẻ (ảnh chụp kiểu chứng minh thư 3 cm x 4 cm mang trang sắc phục kiểm soát viên chất lượng), góc dưới bên phải của ảnh được đóng dấu nổi của cơ quan cấp thẻ;

Bên phải từ trên xuống in chữ hoa "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM"; hàng dưới "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"; riêng chữ in hoa "THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG" được in màu đỏ; số, họ tên, năm sinh, chức danh, nơi công tác;

b) Thẻ kiểm soát viên chất lượng mặt sau (hình 13 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này): Phía trên in chữ hoa "NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG" được in màu đỏ; nội dung của những quy định; địa danh, ngày, tháng, năm cấp thẻ; chức danh, chữ ký, họ tên người cấp thẻ và đóng dấu.

3. Tiêu chuẩn được cấp thẻ kiểm soát viên chất lượng:

Thẻ kiểm soát viên chất lượng được cấp cho công chức được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng làm việc tại các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định.

Điều 15. Những hành vi bị nghiêm cấm

Nghiêm cấm các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng biểu tượng kiểm soát viên chất lượng, phù hiệu, trang phục và thẻ kiểm soát viên chất lượng trái với quy định của Thông tư này.

Chương III
QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN TRANG PHỤC KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

Điều 16. Quy định chung về trang phục

Tiêu chuẩn trang phục chung đối với kiểm soát viên chất lượng và niên hạn sử dụng (được tính cho một công chức), cụ thể như sau:

1. Áo, quần xuân - hè: 01 bộ/01 năm (năm đầu cấp 02 bộ)

a) Nam: 01 áo cộc tay, 01 quần;

b) Nữ: 01 áo cộc tay, 01 quần, 01 váy ngắn.

2. Áo, quần thu - đông: 01 bộ/02 năm (năm đầu được cấp 02 bộ).

3. Áo sơ mi màu trắng, dài tay, cổ đứng để thắt cà vạt dùng cho cả nam và nữ mặc trong áo thu - đông: 01chiếc/01 năm (năm đầu được cấp 02 chiếc).

4. Mũ kê pi, mũ mềm: 01 chiếc/02 năm.

5. Mũ kê pi lễ phục: 01 chiếc/05 năm.

6. Cà vạt: 01 chiếc/02 năm.

7. Giầy da, dép quai hậu: 01 đôi/02 năm.

8. Găng tay màu trắng: 03 năm cấp/01 lần (sử dụng trong các buổi nghi lễ trọng thể).

a) Đối với đơn vị có biên chế từ 300 người trở lên được cấp 50 đôi/01 lần;

b) Đối với đơn vị còn lại cấp 30 đôi/01 lần.

9. Áo đi mưa: 01 chiếc/03 năm hoặc 1 bộ/03 năm.

10. Tất chân: 02 đôi /01 năm.

11. Thắt lưng: 01 chiếc/02 năm.

12. Phù hiệu, cầu vai kiểm soát viên chất lượng: khi hỏng thì đổi

13. Áo bông: 01 chiếc/04 năm.

14. Áo len: 01chiếc/03 năm.

15. Ủng: 01 đôi/03 năm.

16. Găng tay len: 01 đôi/02 năm.

Điều 17. Quy định riêng đối với trang phục trong một số công việc

Đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng thường xuyên làm nhiệm vụ kiểm tra thực tế hàng hóa xuất nhập khẩu, kiểm tra phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, làm việc trong phòng thí nghiệm (thuộc Trung tâm phân tích, phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu)... ngoài tiêu chuẩn trang phục kiểm soát viên chất lượng được quy định tại Điều 16 còn được cấp thêm:

1. Quần áo bảo hộ lao động: 01 bộ/01 năm.

2. Găng tay bảo hộ lao động: 01 đôi/01 năm.

3. Mũ bảo hộ lao động: 01 chiếc/02 năm.

4. Áo Blouse trắng (làm trong phòng thí nghiệm): 01 chiếc/02 năm.

Chương IV
MAY, CẤP PHÁT, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ TRANG PHỤC KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

Điều 18. Kinh phí để may trang phục kiểm soát viên chất lượng

Kinh phí may trang phục kiểm soát viên chất lượng do các cơ quan bảo đảm trong dự toán ngân sách được nhà nước giao cho các cơ quan hàng năm.

Điều 19. Cách thức tổ chức may và cấp phát trang phục

1. Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa chịu trách nhiệm trang bị, quản lý và cấp phát cho công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa của đơn vị mình.

2. Thời gian cấp trang phục kiểm soát viên chất lượng hàng năm: Cấp 1 đợt/năm vào tháng 3.

Chương V
QUY ĐỊNH CẤP PHÁT VÀ SỬ DỤNG THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

Điều 20. Cấp phát và hướng dẫn sử dụng thẻ kiểm soát viên chất lượng

Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức cấp thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo mẫu quy định; hướng dẫn sử dụng và quản lý thẻ kiểm soát viên chất lượng.

Điều 21. Sử dụng thẻ kiểm soát viên chất lượng

1. Công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sử dụng thẻ kiểm soát viên chất lượng của mình trong khi làm nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm việc làm giả, tẩy xóa, sửa chữa, cho mượn hoặc mượn của người khác trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng.

3. Công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa khi chuyển công tác, thôi việc hoặc khi đủ tuổi nghỉ hưu phải nộp lại thẻ kiểm soát viên chất lượng cho cơ quan quản lý, khi mất thẻ phải báo cho cơ quan công an và cơ quan quản lý biết để xử lý theo thẩm quyền.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[7]

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2011.

---

[7] Điều 2 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015 quy định như sau:

*"**Điều 2. Hiệu lực thi hành***

1.Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./."

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp thẻ kiểm soát viên chất lượng cho công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc các Bộ, ngành, địa phương.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 21/VBHN-BKHCN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2015

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Việt Thanh

Phụ lục I[1]

MẪU BIỂU TƯỢNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng, phù hiệu kiểm soát viên chất lượng



Hình 1.
Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng



Hình 2.
Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên mũ kêpi

[1] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.



Hình 3.
Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên mũ mềm kêpi



Hình 4.
Nền phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên ve áo

Phụ lục II[2]

MẪU BIỂU TƯỢNG CẦU VAI, PHÙ HIỆU KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cầu vai, phù hiệu kiểm soát viên chất lượng



Hình 5.

Cúc gắn trên cầu vai kiểm soát viên chất lượng



Hình 6.

Nền cầu vai kiểm soát viên chất lượng

[2] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.



Hình 7.

Quy định về số sao cho ngạch kiểm soát viên chất lượng



Hình 8.

Quy định về số vạch gắn trên nền cầu vai chức vụ lãnh đạo kiểm soát viên chất lượng

Phụ lục III[3]

MẪU BIỂN HIỆU, THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng



Hình 9.

Biển hiệu thẻ kiểm soát viên chất lượng

[3] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 10/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có hiệu lực kể từ ngày 03/8/2015.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng